

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Vũ Văn Dương	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Ủy viên

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Bùi Thị Thu Lan	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Giang	Ủy viên
Ông Phạm Đình Lượng	Ủy viên

Ban Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
Ông Vũ Văn Dương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Hiền Trang	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Số: 22/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/01/2019 từ trang 5 đến trang 31 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 13/2018/BCKT-PKF.NHN ngày 22/03/2018.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1309-2018-026-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.697.459.643	40.262.384.143
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	18.032.223.184	10.110.466.400
1. Tiền	111		5.032.223.184	10.110.466.400
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.946.910.402	28.652.269.500
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	24.612.597.679	28.009.684.705
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.249.723	34.173.159
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	1.323.063.000	608.411.636
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	711.791.235	1.484.687.771
1. Hàng tồn kho	141		711.791.235	1.484.687.771
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.534.822	14.960.472
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	6.534.822	14.960.472
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.402.308.387	27.750.487.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		635.474.168	568.311.751
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	635.474.168	568.311.751
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	-	-
Nguyên giá	222		1.383.075.838	1.798.075.838
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.383.075.838)	(1.798.075.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.6	1.500.000.000	1.500.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.266.834.219	25.682.175.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	24.266.834.219	25.682.175.735
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.099.768.030	68.012.871.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.939.600.518	36.490.592.038
I. Nợ ngắn hạn	310		14.551.715.172	12.102.706.692
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	6.348.694.128	7.246.124.802
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	21.378.850	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.822.736.198	1.536.174.067
4. Phải trả người lao động	314		4.977.538.930	2.586.708.599
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	492.855.568	326.567.691
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		888.511.498	407.131.533
7. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.387.885.346	24.387.885.346
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.9	24.387.885.346	24.387.885.346
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.160.167.512	31.522.279.591
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	32.160.167.512	31.522.279.591
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(110.000.000)	(110.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.787.531.886	2.603.597.796
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.482.635.626	4.028.681.795
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		500.000.000	500.000.000
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.982.635.626	3.528.681.795
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.099.768.030	68.012.871.629

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởngMa Thị Thu
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	69.837.055.333	71.755.528.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	144.184.376	268.962.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.692.870.957	71.486.566.054
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	44.592.179.240	46.163.174.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.100.691.717	25.323.391.130
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	134.633.130	13.008.543
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	7.009.659.721	7.053.232.758
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	13.247.219.851	13.722.915.632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.978.445.275	4.560.251.283
11. Thu nhập khác	31	5.7	256.827.273	50.361.456
12. Chi phí khác	32	5.8	67.270.089	1.652.053
13. Lợi nhuận khác	40		189.557.184	48.709.403
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.9	5.168.002.459	4.608.960.686
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.185.366.833	930.278.891
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.9	3.982.635.626	3.678.681.795
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.5	1.080	1.074
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.6	1.080	1.074



Phạm Thị Hồng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Chu Quang Tuyền

Kế toán trưởng

Ma Thị Thu

Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	73.188.358.792	60.543.441.014
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(35.038.954.815)	(30.107.130.052)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.850.680.150)	(22.103.292.145)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(914.629.694)	(1.444.030.392)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	966.848.371	1.327.976.038
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.320.182.486)	(2.956.616.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.030.760.018	5.260.347.465
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	256.363.636	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	134.633.130	13.008.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	390.996.766	13.008.543
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	7.921.756.784	2.773.356.008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.110.466.400	7.337.110.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	18.032.223.184	10.110.466.400



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng

Ma Thị Thu
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103488607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2009. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 26/04/2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1010/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 21 tháng 12 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty giao dịch ngày đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là EPH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 25.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Việt Nam	11.088.130.000	44,35	11.088.130.000	44,35
Các cổ đông khác	Việt Nam	13.911.870.000	55,65	13.911.870.000	55,65
Cộng		25.000.000.000	100	25.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 102 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 103 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến hoạt động xuất bản giáo dục.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa, chế bản sách giáo khoa, sách giáo trình, sách bổ trợ, sách tự chọn, sách tham khảo, sách điện tử, đĩa CD, các xuất bản phẩm và các tài liệu khác;
- In và phát hành các xuất bản phẩm;
- Sửa bản in, đính chính bản in, thẩm định bản thảo, hoàn thiện bản thảo;
- Thực hiện các dịch vụ xuất bản, bản quyền tác giả, quản lý dự án xuất bản;
- Dịch vụ tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy-học;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày giới thiệu các xuất bản phẩm;
- Mở trường học, dạy nghề cho tất cả các lớp học, bậc học (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khai thác, cung cấp dịch vụ, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dụng và phương tiện dạy học;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Dịch vụ quản lý, vận hành các công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (Trừ loại Nhà nước cấm).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.4. Các khoản nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm 2018 các tài sản cố định hữu hình tại công ty đã hết khấu hao.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí chuyển nhượng văn phòng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí sửa chữa và chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.10. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Bản thảo sách, nhuận bút tác giả, thuộc đối tượng không chịu thuế; Đối với dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản, đọc rà soát được tính theo mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	611.091.853	115.219.172
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.421.131.331	9.995.247.228
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.000.000.000	-
Cộng	18.032.223.184	10.110.466.400

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	17.890.317.399	20.667.384.215
Các khách hàng khác	6.722.280.280	7.342.300.490
Cộng	24.612.597.679	28.009.684.705
Dài hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	635.474.168	568.311.751
Cộng	635.474.168	568.311.751

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	78.500.000	-	68.000.000	-
Phải thu khác	1.244.563.000	-	540.411.636	-
Cộng	1.323.063.000	-	608.411.636	-

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.277.413	-	6.997.484	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	74.044.000	-	241.905.000	-
Thành phẩm	399.096.695	-	977.808.518	-
Hàng hóa	221.373.127	-	257.976.769	-
Cộng	711.791.235	-	1.484.687.771	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả là 0 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	1.343.662.312	454.413.526	1.798.075.838
Mua sắm trong năm	-	-	-
Thanh lý trong năm	415.000.000	-	415.000.000
Tại ngày 31/12/2018	928.662.312	454.413.526	1.383.075.838
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	1.343.662.312	454.413.526	1.798.075.838
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý trong năm	415.000.000	-	415.000.000
Tại ngày 31/12/2018	928.662.312	454.413.526	1.383.075.838
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	-

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.383.075.838 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Cộng	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-

Thuyết minh bổ sung đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	1,38%	1,38%

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	6.534.822	14.960.472
Cộng	6.534.822	14.960.472
Dài hạn:		
Chi phí chuyển nhượng văn phòng (*)	22.532.776.760	23.004.667.376
Chi phí đầu tư văn phòng	1.734.057.459	2.677.508.359
Cộng	24.266.834.219	25.682.175.735

(*) Chi phí chuyển nhượng văn phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 204C1/HĐCNVP/HANDICO6 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội.

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	1.680.041.801	1.680.041.801	1.659.523.020	1.659.523.020
Xí nghiệp Bản Đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc Địa bản đồ	1.550.522.998	1.550.522.998	1.344.281.148	1.344.281.148
Phải trả cho các đối tượng khác	3.118.129.329	3.118.129.329	4.242.320.634	4.242.320.634
Cộng	6.348.694.128	6.348.694.128	7.246.124.802	7.246.124.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Các đối tượng khác	21.378.850	-
Cộng	21.378.850	-
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – xem thêm mục 6	24.387.885.346	24.387.885.346
	24.387.885.346	24.387.885.346

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	103.081.842	117.965.924
Thuế TNCN của CBNV nộp thừa	451.732	17.574.447
Các khoản khác	44.321.994	191.027.320
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 6	345.000.000	-
Cộng	492.855.568	326.567.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018	Trong năm		Tại ngày 31/12/2018
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp / Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	998.287.939	1.129.887.191	1.308.902.648	819.272.482
Thuế thu nhập doanh nghiệp	275.618.189	1.185.366.833	914.629.694	546.355.328
Thuế thu nhập cá nhân	262.267.939	1.889.082.624	1.694.242.175	457.108.388
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.536.174.067	4.207.336.648	3.920.774.517	1.822.736.198

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	25.000.000.000	(110.000.000)	2.308.623.756	4.026.622.808	31.225.246.564
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.678.681.795	3.678.681.795
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	294.974.040	(294.974.040)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(684.161.748)	(684.161.748)
Trích quỹ khen thưởng BDH	-	-	-	(197.487.020)	(197.487.020)
Trả cổ tức	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2018	25.000.000.000	(110.000.000)	2.603.597.796	4.028.681.795	31.522.279.591
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.982.635.626	3.982.635.626
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	183.934.090	(183.934.090)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(810.813.615)	(810.813.615)
Trích quỹ khen thưởng BDH (*)	-	-	-	(33.934.090)	(33.934.090)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	25.000.000.000	(110.000.000)	2.787.531.886	4.482.635.626	32.160.167.512

(*) Phân phối LNST năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	11.088.130.000	11.088.130.000
Các cổ đông khác	13.911.870.000	13.911.870.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

4.12.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

4.12.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.12.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.982.635.626	3.678.681.795
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & Khen thưởng BDH (*)	1.283.503.845	994.747.705
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.699.131.781	2.683.934.090
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.080	1.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.982.635.626	3.678.681.795
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi & Khen thưởng BĐH (*)	1.283.503.845	994.747.705
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.699.131.781	2.683.934.090
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.080	1.074

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã tạm trích Quỹ khen thưởng BĐH (5% LNST năm 2018) và Quỹ khen thưởng phúc lợi (phần LNST còn lại sau khi chia cổ tức và trích các quỹ khác) và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018.

Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được tính lại từ Lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng BĐH theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2018.

4.12.7. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	-	2.500.000.000
Cộng	-	2.500.000.000

4.12.8. Các Quỹ của Doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	2.603.597.796
Trích trong năm	183.934.090
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2018	2.787.531.886

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu dịch vụ tổ chức bản thảo	39.579.401.270	38.384.382.528
Doanh thu bán sách	15.334.884.568	18.739.740.533
Doanh thu dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	3.393.576.980	2.567.046.576
Nhuận bút	10.765.848.310	11.251.803.882
Doanh thu khác	763.344.205	812.555.415
Cộng	69.837.055.333	71.755.528.934
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	58.573.775.087	57.981.886.946

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hàng bán bị trả lại	144.184.376	268.962.880
Cộng	144.184.376	268.962.880

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn dịch vụ tổ chức bản thảo	21.705.251.710	19.450.058.851
Giá vốn bán sách	10.720.322.710	14.474.925.750
Giá vốn dịch vụ biên tập, thiết kế chế bản	1.383.133.965	960.089.623
Nhuận bút	10.765.848.310	11.251.803.882
Giá vốn khác	17.622.545	26.296.818
Cộng	44.592.179.240	46.163.174.924

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.633.130	13.008.543
Cộng	134.633.130	13.008.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.914.034.848	5.203.229.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	439.580.418	338.814.582
Chi phí bằng tiền khác	1.656.044.455	1.511.188.638
Cộng	7.009.659.721	7.053.232.758

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.716.923.985	5.303.879.953
Chi phí khác bằng tiền	8.530.295.866	8.419.035.679
Cộng	13.247.219.851	13.722.915.632

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	463.636	25.521.455
Thanh lý sách	-	24.783.450
Các khoản thu nhập khác	256.363.637	56.551
Cộng	256.827.273	50.361.456

5.8. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chậm nộp thuế	51.283.692	1.650.468
Chi phí khác	15.986.397	1.585
Cộng	67.270.089	1.652.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.168.002.459	4.608.960.686
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	190.073.909	7.583.768
- Chi phí phạt thuế	51.283.692	1.650.468
- Truy thu thuế GTGT năm 2016 và 2017	11.590.217	-
- Chi phí không hợp lệ	-	5.933.300
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	127.200.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm:	132.526.746	-
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN	132.526.746	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.225.549.622	4.616.544.454
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.045.109.924	923.308.891
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	140.256.909	6.970.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.185.366.833	930.278.891

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	29.328.095.951	23.644.050.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.189.417.319	27.351.976.411
Chi phí khác bằng tiền	10.490.656.382	5.779.464.701
Cộng	60.008.169.652	56.775.491.787

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP HCM	Chung công ty đầu tư
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.395.068.966	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	84.934.807	7.665.344.155
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	-	8.460.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành Phố Hồ Chí Minh	79.134.000	82.200.004
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.607.691.529	3.278.265.309
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	375.550.000	1.136.623.502
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	1.510.399.419	886.908.719
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng	859.953.574	857.783.392
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	1.489.494.050	505.181.707
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	1.686.484.207	581.775.040
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	70.504.985	1.538.146.147
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	2.236.010.100	422.993.250
Công ty CP đầu tư và xuất bản giáo dục	1.606.837.760	850.883.800
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	202.040.000	162.492.500
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.686.214.002	2.637.507.022
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	52.819.668
Cộng - Xem thêm mục 4.2	17.890.317.399	20.667.384.215
Phải thu dài hạn:		
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	635.474.168	568.311.751
Cộng - Xem thêm mục 4.2	635.474.168	568.311.751
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả:		
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	1.651.926.561	1.615.327.540
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	28.115.240	44.195.480
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	345.000.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.8	2.025.041.801	1.659.523.020
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Người mua trả tiền trước dài hạn:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	24.387.885.346	24.387.885.346
Cộng - Xem thêm mục 4.9	24.387.885.346	24.387.885.346

(*) Nhận tiền ứng trước của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (là bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng số 1964/HĐKT/2015SGK về việc "Tổ chức bản thảo Sách giáo khoa (SGK), Sách bổ trợ (SBT) mới". Thời hạn quyết toán theo hợp đồng bắt đầu từ năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Bán hàng :		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	5.505.106.737	816.842.100
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.592.988.091	11.848.728.050
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	57.494.900	9.006.545
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	8.460.000	8.460.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	79.134.000	77.597.531
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	3.240.840.560	4.808.391.760
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	7.405.622.780	5.500.316.690
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	2.073.818.000	2.489.871.602
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	10.480.541.049	9.798.692.574
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.310.897.722	3.803.065.219
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	7.417.098.490	8.032.776.827
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	2.587.780.180	2.590.664.030
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.070.245.320	4.096.008.275
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	159.113.180	179.020.417
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	121.203.640	196.707.296
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	3.359.985.950	2.283.125.050
Công ty CP Mĩ thuật và truyền thông	885.983.580	695.496.880
Công ty CP Sách Đại học – Dạy nghề	102.040.000	92.492.500
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	88.673.100	99.243.400
Công ty CP Sách Dân tộc	3.264.000	-
Công ty CP Đầu tư và xuất bản Giáo dục	1.022.448.760	555.380.200
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	1.035.048	-

Cộng - Xem thêm mục 5.1

58.573.775.087

57.981.886.946

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Mua hàng:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	19.272.710	1.121.085.715
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	592.180.806	648.872.906
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	210.246.340	324.150.580
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	2.014.167.798	2.873.755.010
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	121.250.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	12.122.100	88.110.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	183.489.682	1.006.404.591
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	482.450.930	533.885.240
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	177.904.720	301.536.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	752.357.900	1.875.407.400
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	2.990.395.346	3.019.792.720
Công ty CP ĐT và PT Trường phổ thông công nghệ Giáo dục	-	88.412.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	27.988.320	63.094.768
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	71.206.791	131.296.748
Cộng	7.533.783.443	12.197.053.878

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 187B, phố Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chia cổ tức:		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.108.813.000	1.108.813.000
Các cổ đông khác	449.350.000	449.350.000
Cộng	1.558.163.000	1.558.163.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.745.190.000	1.468.769.000
Thù lao Hội đồng quản trị	300.000.000	300.000.000
Cộng	2.045.190.000	1.768.769.000

7. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Ban kiểm soát	45.000.000	42.000.000
Cộng	45.000.000	42.000.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Chu Quang Tuyền
Kế toán trưởng

Ma Thị Thu
Người lập